

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 - CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Dự toán năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 (Số liệu chuyển nguồn phải khớp với số liệu đã ký xác nhận với Kho bạc nhà nước và biểu vốn đầu tư)			Dự toán nguồn ngân sách trung ương năm 2023 Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho các đơn vị			Dự toán nguồn ngân sách trung ương năm 2023 các đơn vị đã giao, triển khai			Kết quả giải ngân dự toán năm 2022 chuyển sang năm 2023 đến thời điểm báo cáo			Kết quả giải ngân dự toán năm 2023 đến thời điểm báo cáo			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG	88.242	65.196	23.046	239.335	101.696	137.639	237.829	101.696	136.133	27.651	8.245	19.035	171.728	49.985	121.743	
A	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	67.863	59.027	8.836	157.912	66.637	91.275	156.406	66.637	89.769	12.965	5.971	6.994	111.988	30.468	81.520	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3	3	-	5.412	392	5.020	5.412	392	5.020	-	-	-	4.602	390	4.212	
1	Hỗ trợ đất ở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Hỗ trợ nhà ở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề	3	3	-	242	242	242	242	242	242	-	-	-	240	240	-	
4	Hỗ trợ nước sinh hoạt	-	-	-	5.170	150	5.020	5.170	150	5.020	-	-	-	4.362	150	4.212	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	-	-	-	4.688	-	4.688	4.688	-	4.688	-	-	-	4.651	-	4.651	
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	52.252	50.439	1.813	22.184	19.755	2.429	22.184	19.755	2.429	900	900	-	5.473	5.473	-	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	45.010	45.010	-	4.800	4.800	-	4.800	4.800	-	-	-	-	3.004	3.004	-	
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	7.242	5.429	1.813	17.384	14.955	2.429	17.384	14.955	2.429	900	900	-	2.469	2.469	-	
a)	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.	1.056	1.056	-	10.900	10.900	-	10.900	10.900	-	900	900	-	2.469	2.469	-	
b)	Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.	6.186	4.373	1.813	6.484	4.055	2.429	6.484	4.055	2.429	-	-	-	-	-	-	
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	4.737	-	4.737	51.208	3.348	47.860	51.208	3.348	47.860	4.737	-	4.737	48.145	3.168	44.977	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.737	-	4.737	51.208	3.348	47.860	51.208	3.348	47.860	4.737	-	4.737	48.145	3.168	44.977	
a)	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.	4.737	-	4.737	51.208	3.348	47.860	51.208	3.348	47.860	4.737	-	4.737	48.145	3.168	44.977	

STT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Dự toán năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 (Số liệu chuyển nguồn phải khớp với số liệu đã ký xác nhận với Kho bạc nhà nước và biểu vốn đầu tư)			Dự toán nguồn ngân sách trung ương năm 2023 Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho các đơn vị			Dự toán nguồn ngân sách trung ương năm 2023 các đơn vị đã giao, triển khai			Kết quả giải ngân dự toán năm 2022 chuyển sang năm 2023 đến thời điểm báo cáo			Kết quả giải ngân dự toán năm 2023 đến thời điểm báo cáo			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	
b)	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	-			-			-			-			-			
2	Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc	-			-			-			-			-			
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	726	507	218	13.588	8.706	4.882	13.588	8.706	4.882	668	450	218	8.958	4.092	4.867	
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	341	123	218	6.977	2.095	4.882	6.977	2.095	4.882	341	123	218	6.630	1.763	4.867	
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	327	327	-	862	862	-	862	862	-	327	327	-	642	642	-	
a)	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	327	327		862	862		862	862		327	327		642	642		
b)	Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học	-			-			-			-			-			
3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	58	58		5.749	5.749		5.749	5.749		-			1.686	1.686		
4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	-			-			-			-			-			
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	2.252	295	1.958	3.844		3.844	2.338		2.338	2.215	287	1.929	2.132		2.132	
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	-			-			-			-			-			
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	987	987		2.691	2.691		2.691	2.691		78	78		2.255	2.255		
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	6.905	6.796	110	53.486	30.934	22.552	53.486	30.934	22.552	4.366	4.256	110	35.070	14.388	20.682	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	6.893	6.784	110	53.093	30.541	22.552	53.093	30.541	22.552	4.365	4.256	110	35.050	14.368	20.682	
2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	12	12		393	393		393	393		0,6	0,6		20	20		
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	-	-	-	811	811	-	811	811	-	-	-	-	702	702	-	
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền; truyền thông	-	-	-	571	571	-	571	571	-	-	-	-	491	491	-	

STT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Dự toán năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 (Số liệu chuyển nguồn phải khớp với số liệu đã ký xác nhận với Kho bạc nhà nước và biểu vốn đầu tư)			Dự toán nguồn ngân sách trung ương năm 2023 Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho các đơn vị			Dự toán nguồn ngân sách trung ương năm 2023 các đơn vị đã giao, triển khai			Kết quả giải ngân dự toán năm 2022 chuyển sang năm 2023 đến thời điểm báo cáo			Kết quả giải ngân dự toán năm 2023 đến thời điểm báo cáo			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	
a)	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín	-			274	274		274	274		-			274	274		
b)	Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số	-			217	217		217	217		-			217	217		
c)	Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-			80	80		80	80		-			-			
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-			-			-			-			-			
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	-			240	240		240	240		-			211	211		
B	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	13.115	5.476	7.639	77.564	33.633	43.931	77.564	33.633	43.931	8.571	1.628	6.572	57.234	19.432	37.802	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	7.640	1	7.639	48.324	4.393	43.931	48.324	4.393	43.931	6.572	-	6.572	42.160	4.358	37.802	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	7.640	1	7.639	48.324	4.393	43.931	48.324	4.393	43.931	6.572		6.572	42.160	4.358	37.802	
2	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025	-			-			-			-			-			
II	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	3.425	3.425	-	8.628	8.628	-	8.628	8.628	-	1.257	1.257	-	499	499	-	
III	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	1.495	1.495	-	5.014	5.014	-	5.014	5.014	-	-	-	-	1.259	1.259	-	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	1.495	1.495	-	3.839	3.839	-	3.839	3.839	-	-	-	-	1.097	1.097	-	
2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	-			1.175	1.175		1.175	1.175		-			162	162		
IV	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	416	416	-	2.942	2.942	-	2.942	2.942	-	742	371	-	1.947	1.947	-	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	-			1.680	1.680		1.680	1.680		371			1.680	1.680		
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	264	264	-	862	862	-	862	862	-	219	219	-	-	-	-	
3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	152	152	-	400	400	-	400	400	-	152	152	-	267	267	-	
V	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	-	-	-	11.440	11.440	-	11.440	11.440	-	-	-	-	10.676	10.676	-	
VI	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	-	-	-	263	263	-	263	263	-	-	-	-	262	262	-	
1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	-			-			-			-			-			

STT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Dự toán năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 (Số liệu chuyên nguồn phải khớp với số liệu đã ký xác nhận với Kho bạc nhà nước và biểu vốn đầu tư)			Dự toán nguồn ngân sách trung ương năm 2023 Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho các đơn vị			Dự toán nguồn ngân sách trung ương năm 2023 các đơn vị đã giao, triển khai			Kết quả giải ngân dự toán năm 2022 chuyển sang năm 2023 đến thời điểm báo cáo			Kết quả giải ngân dự toán năm 2023 đến thời điểm báo cáo			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	Tổng cộng	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển	
2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	-			263	263		263	263		-			262	262		
VII	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	139	139	-	953	953	-	953	953	-	-	-	-	432	432	-	
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	-			690	690		690	690		-			194	194		
2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	139	139		263	263		263	263		-			238	238		
C	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	7.264	693	6.571	3.859	1.426	2.433	3.859	1.426	2.433	6.115	646	5.469	2.506	85	2.421	
I	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	669	669	-	-	-	-	-	-	-	646	646	-	-	-	-	
1	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa	669	669		-			-			646	646,265		-			
II	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	6.571	-	6.571	2.433	-	2.433	2.433	-	2.433	5.469	-	5.469	2.421	-	2.421	
III	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)...	-	-	-	1.326	1.326	-	1.326	1.326	-	-	-	-	-	-	-	
2	Nội dung 02: XD và PT hiệu quả các VNLTT, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các MHLK SX theo chuỗi giá trị ...	-			1.326	1.326		1.326	1.326		-			-			
XI	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	24	24	-	100	100	-	100	100	-	-	-	-	85	85	-	
1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình...	24	24		100	100		100	100		0			85	85		